

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : L36CCĐ1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 121L067100701 - H ấ h c L ấ c ng H c km : HK01

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3610101132	L36CCĐ1	L ấ V ấ N ấ NH	11/04/1985				3.0	4.0		3.5	1.1	5.0	3.5	4.6	
2	3610101118	L36CCĐ1	L ấ ấ CH NG ấ N	12/08/1988				3.0	1.0		2.0	0.6	6.0	4.2	4.8	
3	3610101086	L36CCĐ1	NGUY N V ấ N B ấ NH	13/08/1988				5.0	6.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
4	3610101099	L36CCĐ1	PH M TR NG CH ấ NH	25/03/1984				7.0	6.0		6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
5	3610101168	L36CCĐ1	TR N XU ấ N CH ấ NH	01/12/1986				2.0	3.0		2.5	0.8	8.0	5.6	6.4	
6	3610101119	L36CCĐ1	NGUY N XU ấ N DANH	18/02/1984				7.0	4.0		5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	
7	3610101122	L36CCĐ1	NGUY N TH CH DUY	15/05/1988				0.0	1.0		0.5	0.2	0.0	0.0	0.2	
8	3610101045	L36CCĐ1	NGUY N ấ ấ NG H I	31/05/1988				4.0	5.0		4.5	1.4	7.0	4.9	6.3	
9	3610101120	L36CCĐ1	V ấ XU ấ N H U	17/04/1987				4.0	5.0		4.5	1.4	5.0	3.5	4.9	
10	3610101101	L36CCĐ1	NGUY N V ấ N HI N	25/11/1982				3.0	1.0		2.0	0.6	5.0	3.5	4.1	
11	3610101156	L36CCĐ1	TR NH PH ấ C HI N	13/10/1986				0.0	0.0		0.0	0.0	1.0	0.7	0.7	
12	3610101137	L36CCĐ1	NGUY N QU C HI U	20/01/1987				0.0	2.0		1.0	0.3	6.0	4.2	4.5	
13	3610101001	L36CCĐ1	TR N DUY HI U	20/03/1983				7.0	1.0		4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
14	3610101177	L36CCĐ1	NGUY N ấ C HUY	14/06/1987				0.0	0.0		0.0	0.0	4.0	2.8	2.8	
15	3610101149	L36CCĐ1	TR N V ấ N HUYNH	23/10/1990				0.0	4.0		2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
16	3610101159	L36CCĐ1	PH M H ầ NH	21/09/1990				4.0	5.0		4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	
17	3610101106	L36CCĐ1	L ấ TRUNG KI ầ N	20/03/1982				0.0	6.0		3.0	0.9	8.0	5.6	6.5	
18	3610101172	L36CCĐ1	NGUY N V ấ N L NG	29/12/1989				3.0	6.0		4.5	1.4	5.0	3.5	4.9	HK.HE (2012-2013)

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : L36CCĐ1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 121L067100701 - H ấ h c L i c ng H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NG ẦY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
19	3610101124	L36CCĐ1	L ấ B ấ	M ấ O	30/11/1987				8.0	4.0		6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	
20	3610101085	L36CCĐ1	B ấ I T I N	M NH	13/09/1984				2.0	6.0		4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	HK.HE (2012-2013)
21	3610101131	L36CCĐ1	ấ O i N V i N	PH ấ T	25/04/1989				8.0	2.0		5.0	1.5	9.0	6.3	7.8	
22	3610101028	L36CCĐ1	L U T N	PH ấ T	28/07/1989				8.0	8.0		8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
23	3610101054	L36CCĐ1	CAO VI T	QU ấ	24/04/1989				6.0	4.0		5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
24	3610101074	L36CCĐ1	TR N V i N	QU ấ	13/04/1991				4.0	5.0		4.5	1.4	8.0	5.6	7.0	
25	3610101038	L36CCĐ1	NGUY N ấ C	S N	30/10/1991				3.0	4.0		3.5	1.1	6.0	4.2	5.3	
26	3610101148	L36CCĐ1	NGUY N T N	S	25/08/1982				2.0	7.0		4.5	1.4	6.0	4.2	5.6	HK HE (2012-2013)
27	3610101059	L36CCĐ1	L c V i N	T ẦNH	21/09/1987				4.0	3.0		3.5	1.1	8.0	5.6	6.7	
28	3610101097	L36CCĐ1	HU ấ NH NG C	TU N	10/10/1986				0.0	1.0		0.5	0.2	8.0	5.6	5.8	
29	3610101093	L36CCĐ1	PH M V i N	TU N	29/03/1990				5.0	3.0		4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
30	3610101064	L36CCĐ1	L c V i N	TUY ẦN	28/12/1990				0.0	3.0		1.5	0.5	6.0	4.2	4.7	
31	3610101163	L36CCĐ1	L c TR N THANH	T ẦNG	01/01/1986				6.0	2.0		4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
32	3610101114	L36CCĐ1	ấ V i N	T Ứ	28/05/1984				5.0	1.0		3.0	0.9	6.0	4.2	5.1	
33	3610101092	L36CCĐ1	MAI THANH	TH ấ I	01/01/1990				7.0	6.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : L36CCĐ1 N ầ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 121L067100701 - H ồ h c L i c ng H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
34	3610101103	L36CCĐ1	CAO V ầ N TH NG	25/05/1989				2.0	8.0		5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	HK.HE (2012-2013)
35	3610101083	L36CCĐ1	NGUY N V ầ N TH NG	07/03/1988				3.0	5.0		4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	HK. HE (2012-2013)
36	3610101107	L36CCĐ1	TR N V ầ N TH ầ N	04/12/1989				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
37	3610101109	L36CCĐ1	NGUY N VI T THU N	11/03/1988				7.0	8.0		7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	
38	3610101046	L36CCĐ1	PH M THANH TH Y	06/08/1989				5.0	7.0		6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	
39	3610101170	L36CCĐ1	TR N PH C TRUNG	30/08/1988				5.0	4.0		4.5	1.4	5.0	3.5	4.9	
40	3610101096	L36CCĐ1	TR NG QU C TR N G	20/02/1986				0.0	0.0		0.0	0.0	5.0	3.5	3.5	

T ng s : 40 h c sinh sinh vi 2 n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ồ Vi 2 n B M ầ n

Gi ồ V Khoa